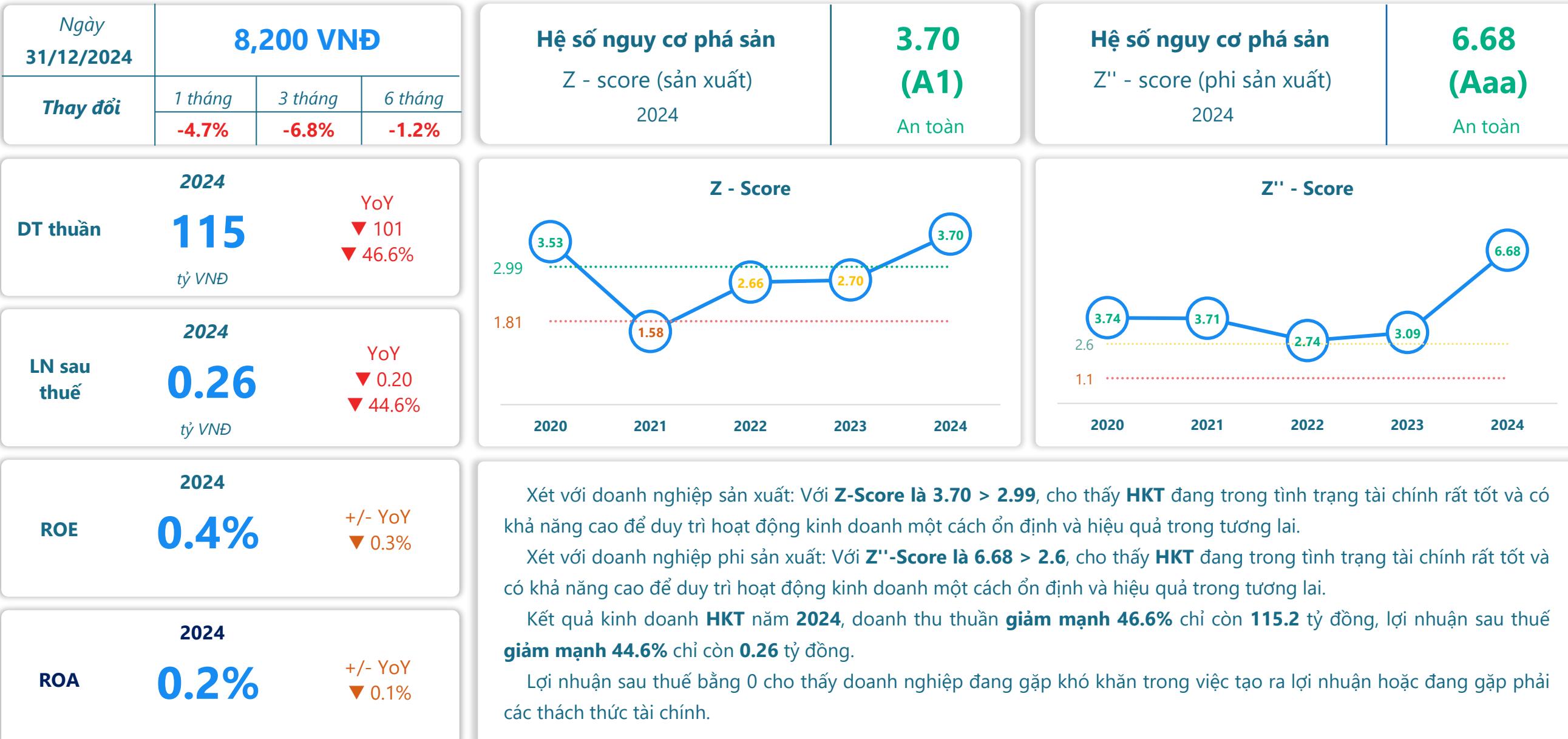
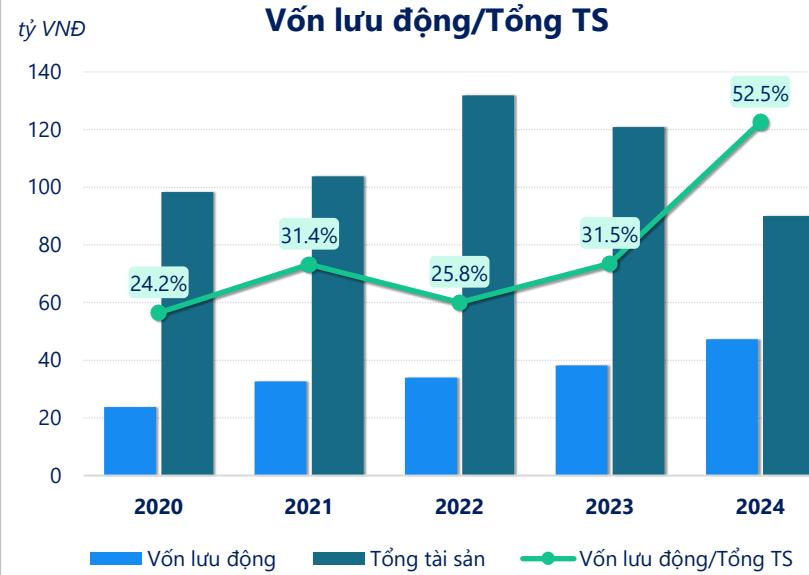


MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

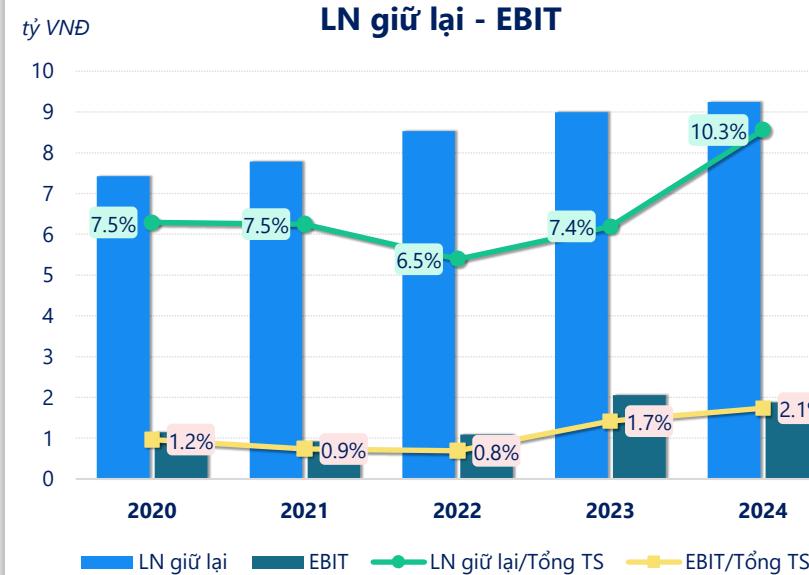


CTCP Đầu tư EGO Việt Nam (HNX: HKT)

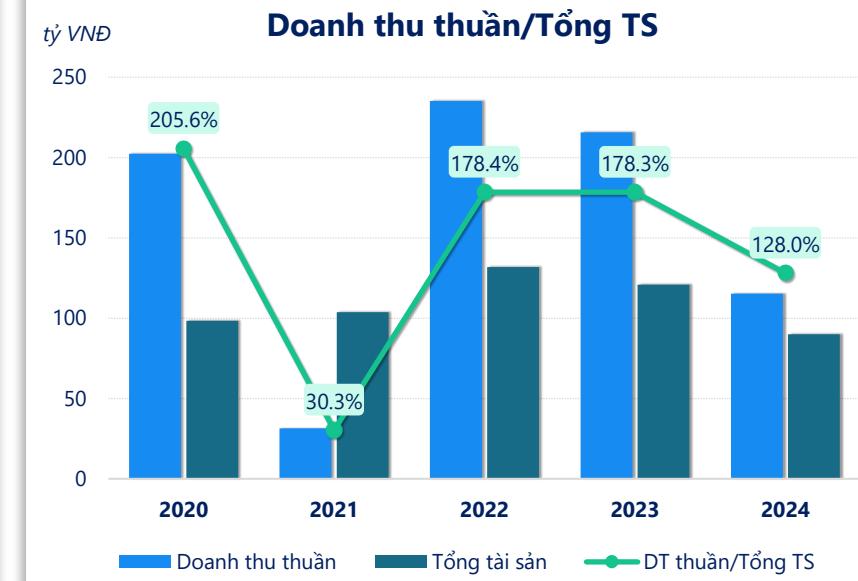


Vốn lưu động > 0 và tăng so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Vốn hóa thị trường/ tổng nợ = 2.63, cho thấy công ty có khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông vượt qua nợ phải trả. Sự tăng trưởng tỷ lệ này cũng phản ánh sự tin tưởng của thị trường và nhà đầu tư vào triển vọng tương lai của công ty.



Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi	KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
					2020	2021	2022	2023	2024
Tổng tài sản	91.5	121	-24.3%	Doanh thu thuần	202	31.4	235	216	115
Tài sản ngắn hạn	68.4	88.4	-22.7%	Giá vốn hàng bán	199	32.0	234	216	114
Tiền và tương đương tiền	2.21	1.43	55.3%	Lợi nhuận gộp	3.17	-0.58	1.66	0.06	0.90
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0		Doanh thu HĐTC	0.41	3.00	0.69	2.62	2.32
Phải thu ngắn hạn	60.0	74.6	-19.6%	Chi phí TC	0.21	0.17	0.11	1.48	2.03
Hàng tồn kho	5.60	12.4	-54.9%	Chi phí lãi vay	0.21	0.17	0.11	1.48	1.33
Tài sản ngắn hạn khác	0.62	0		LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	23.1	32.5	-28.8%	Chi phí bán hàng	0.19	0	0	0	0
Phải thu dài hạn	0	0		Chi phí QLDN	2.49	1.43	1.24	0.62	0.58
Tài sản cố định	3.84	5.59	-31.2%	LN thuần từ HĐKD	0.69	0.83	1.00	0.59	0.61
Bất động sản đầu tư	0	0		Lợi nhuận khác	0.24	-0.08	-0.02	-0.01	-0.06
Tài sản dở dang	0	0		LN trước thuế	0.93	0.75	0.98	0.58	0.55
Đầu tư tài chính dài hạn	19.3	26.3	-26.6%	Lợi nhuận sau thuế	0.72	0.50	0.74	0.46	0.26
Tài sản dài hạn khác	0	0.61	-100%	LNST của CĐ cty mẹ	0.72	0.50	0.74	0.46	0.26
Lợi thế thương mại	0	0							
Nợ phải trả	20.1	50.3	-60.1%						
Nợ ngắn hạn	20.1	50.3	-60.1%						
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.0	15.0	0.0%	Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Phải trả người bán ngắn hạn	1.75	34.6	-94.9%	Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.81	-0.82	-10.1	17.1	-36.3
Nợ dài hạn	0	0		Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.51	0.51	-4.76	-14.5	37.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0		Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.19	-1.01	14.8	-1.36	0.00
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.5	70.6	1.2%	Tiền đầu kỳ	0.80	1.70	0.38	0.25	1.43
Vốn chủ sở hữu	71.5	70.6	1.2%	Lưu chuyển tiền thuần	0.90	-1.32	-0.13	1.18	0.79
Vốn điều lệ	61.4	61.4	0.0%	Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0		Tiền cuối kỳ	1.70	0.38	0.25	1.43	2.21